



TĂNG ĐỀ KHÁNG*

Vitamin C 500mg và vitamin B complex

MÔ TẢ

Enervon® kết hợp vitamin C liều cao 500 mg và các vitamin nhóm B. Vitamin C liều cao giúp tăng cường sức đề kháng, chống lại các gốc tự do có hại cho cơ thể. Các vitamin nhóm B hỗ trợ chuyển hoá giải phóng năng lượng cho các hoạt động của cơ thể, cải thiện thể lực và tinh thần cho các thời kỳ tăng nhu cầu.

THÀNH PHẦN

Mỗi viên nén bao phim chứa:	
Vitamin C.....	500 mg
Vitamin B1.....	50 mg
Vitamin B2.....	20 mg
Vitamin B3 (Niacinamide).....	50 mg
Vitamin B5 (Calcium Pantothenate).....	20 mg
Vitamin B6.....	5 mg
Vitamin B12.....	5 mcg
Tá dược: Magnesium Oxide, Colloidal Silicon Dioxide, Magnesium Stearate, Opadry.	

DƯỢC LỰC HỌC, DƯỢC ĐỘNG HỌC

Vitamin C

Vitamin C cần cho sự tạo thành collagen, tu sửa mô trong cơ thể và tham gia trong một số phản ứng oxy hóa khử. Vitamin C tham gia trong chuyển hóa phenylalanine, tyrosin, acid folic, norepinephrine, histamine, sắt và một số hệ thống enzym chuyển hóa thuốc, trong sử dụng carbohydrate, trong tổng hợp lipid và protein, trong chức năng miễn dịch, trong đề kháng với nhiễm khuẩn, trong giữ gìn sự toàn vẹn của mạch máu và trong hô hấp tế bào.

Hấp thu: Vitamin C được hấp thu dễ dàng sau khi uống. Hấp thu ở dạ dày-ruột có thể giảm ở người bị tiêu chảy hoặc có bệnh về dạ dày-ruột.

Nồng độ vitamin C bình thường trong huyết tương khoảng 10-20 microgam/ml. Dự trữ toàn bộ vitamin C trong cơ thể ước tính khoảng 1,5 g với khoảng 30-45 mg được luân chuyển hàng ngày.

Phân bố: Vitamin C phân bố rộng rãi trong các mô. Khoảng 25% vitamin C trong huyết tương kết hợp với protein. **Thải trừ:** Vitamin C oxy-hóa thuận nghịch thành acid dehydroascorbic. Một ít vitamin C chuyển hóa thành những hợp chất không có hoạt tính gồm ascorbic acid - 2 - sulfat và acid oxalic bài tiết trong nước tiểu. Lượng vitamin C vượt quá nhu cầu của cơ thể cũng được nhanh chóng đào thải ra nước tiểu dưới dạng không biến đổi.

Vitamin B1

Vitamin B1 là coenzym chuyển hóa carbohydrate làm nhiệm vụ khử carboxyl của các alpha - cetoacid như pyruvat và alpha - cetoglutarat và trong việc sử dụng pentose trong chu trình hexose monophosphat. Khi thiếu hụt vitamin B1, sự oxy hóa các alpha - cetoacid bị ảnh hưởng làm cho nồng độ pyruvat trong máu tăng lên. Sự hấp thu vitamin B1 trong ăn uống hàng ngày qua đường tiêu hóa là do sự vận chuyển tích cực phụ thuộc Na+. Khi nồng độ thiamin trong đường tiêu hóa cao sự khuếch tán tự động cũng quan trọng. Ở người lớn, khoảng 1mg vitamin B1 bị giánh hóa hoàn toàn mỗi ngày trong các mô và đây cũng chính là lượng tối thiểu cần hàng ngày.

Vitamin B2

Vitamin B2 là các coenzym hoạt động cần cho sự hô hấp của mô. Vitamin B2 cũng cần cho sự hoạt hóa pyridoxin, sự chuyển tryptophan thành niacin, và liên quan đến sự toàn vẹn của hồng cầu. Vitamin B2 được hấp thu chủ yếu ở tá tràng. Các chất chuyển hóa của vitamin B2 được phân bố khắp các mô trong cơ thể. Một lượng nhỏ được dự trữ ở gan, lách, thận và tim. Vitamin B2 là một vitamin tan trong nước, đào thải qua thận. Lượng đưa vào vượt quá sự cần thiết của cơ thể sẽ thải dưới dạng không đổi qua nước tiểu.

Vitamin B3

Trong cơ thể niacinamide được tạo thành từ acid nicotinic. Trong cơ thể niacinamide thực hiện chức năng sau khi chuyển thành hoặc nicotinamid adenin dinucleotid (NAD) hoặc nicotinamid adenin dinucleotid phosphat (NADP). NAD và NADP có vai trò sống còn trong chuyển hóa, như một coenzym xúc tác phản ứng oxy hóa-khử cần thiết cho hô hấp tế bào, phân giải glycogen, và chuyển hóa lipid. Niacinamide được hấp thu nhanh qua đường tiêu hóa sau khi uống và phân bố rộng khắp vào các mô cơ thể. Nửa đời thải trừ của thuốc khoảng 45 phút. Niacinamide chuyển hóa ở gan thành N - methylnicotinic, các dẫn chất 2 - pyridon và 4 - pyridon, và còn tạo thành nicotinic. Sau khi uống niacinamide với liều thông thường, chỉ có một lượng nhỏ niacinamide bài tiết vào nước tiểu ở dạng không đổi.

Vitamin B5

Vitamin B5 là một chất chống oxy hóa hòa tan trong nước, cần thiết cho chuyển hóa trung gian của carbohydrate, protein và lipid.

Hấp thu: Sau khi uống vitamin B5 dễ được hấp thu qua đường tiêu hóa. Nồng độ vitamin B5 bình thường trong huyết thanh là 100 microgam/ml hoặc hơn.

Phân bố: Vitamin B5 phân bố rộng rãi trong mô cơ thể, chủ yếu dưới dạng coenzym A. Nồng độ cao nhất có trong gan, tuyến thượng thận, tim và thận.

Đào thải: Khoảng 70% liều vitamin B5 uống thải trừ ở dạng không đổi trong nước tiểu và khoảng 30% trong phân.

Vitamin B6

Vitamin B6 hoạt động như coenzym trong chuyển hóa: protein, glucid và lipid. Pyridoxin tham gia tổng hợp acid gamma - aminobutyric (GABA) trong hệ thần kinh trung ương và tham gia tổng hợp hemoglobin. Vitamin B6 hấp thu nhanh chóng qua đường tiêu hóa. Sau khi uống, thuốc phân lớn dự trữ ở gan và một phần ở cơ và não. Vitamin B6 thải trừ qua thận chủ yếu dưới dạng chuyển hóa. Lượng đưa vào nếu vượt quá nhu cầu hàng ngày, phần lớn đào thải dưới dạng không biến đổi.

Vitamin B12

Hai dạng vitamin B12, cyanocobalamin và hydroxocobalamin đóng vai trò là các coenzym đồng vận chuyển, tham gia vào nhiều quá trình chuyển hóa quan trọng của cơ thể, đặc biệt là 2 quá trình chuyển hóa acid folic và tổng hợp AND nên rất cần rất cần thiết cho tế bào sao chép và tăng trưởng, đặc biệt là tế bào hồng cầu. Vitamin B12 cần cho chuyển hóa lipid và sự hoạt động bình thường của hệ thần kinh.

Hấp thu: Vitamin B12 được hấp thu ở đoạn cuối hồi tràng theo hai cơ chế: cơ chế thụ động khi lượng dùng nhiều và cơ chế chủ động cho phép hấp thu những liều lượng sinh lý, nhưng phải có yếu tố nội tại là glycoprotein do tế bào thành niêm mạc dạ dày tiết ra.

Phân bố: Vào máu, vitamin B12 tích lũy nhiều ở gan (khoảng 90%), thần kinh trung ương, tim và nhau thai

Thải trừ: Vitamin B12 được bài tiết chủ yếu qua nước tiểu, phần lớn thải trừ trong vòng 8 giờ đầu.

CHỈ ĐỊNH

Là chế phẩm bổ sung để điều trị thiếu vitamin C và B ở người lớn và thanh thiếu niên trên 16 tuổi trong trường hợp thiếu hụt hoặc tăng nhu cầu như thời kỳ tăng trưởng nhanh, mệt mỏi, các trường hợp gắng sức về tinh thần và thể chất.

LIỀU LƯỢNG VÀ CÁCH SỬ DỤNG

Người lớn và thanh thiếu niên trên 16 tuổi: Dùng đường uống, mỗi ngày một viên hoặc theo sự hướng dẫn của thầy thuốc.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH

Vitamin C

Chống chỉ định dùng vitamin C liều cao ở người bị thiếu hụt glucose - 6 - phosphat dehydrogenase (G6PD) (nguy cơ thiếu máu tan máu), người có tiền sử sỏi thận, tăng oxalat niệu và rối loạn chuyển hóa oxalat (tăng nguy cơ sỏi thận), bị bệnh thalassemia (tăng nguy cơ hấp thu sắt).

Vitamin B1, vitamin B2

Quá mẫn với Vitamin B1, vitamin B2.

Vitamin B3

Quá mẫn với vitamin B3
Bệnh gan nặng
Loét da dày tiến triển
Xuất huyết động mạch
Hạ huyết áp nặng.

Vitamin B5

Không có chống chỉ định với vitamin B5.

Vitamin B6

Quá mẫn với vitamin B6.

Vitamin B12

Có tiền sử dị ứng với các cobalamins
U ác tính.

THẬN TRỌNG

Vitamin C

Dùng vitamin C liều cao kéo dài có thể dẫn đến hiện tượng nhờn thuốc, do đó khi giảm liều sẽ dẫn đến

thiếu hụt vitamin C. Uống liều lớn vitamin C trong khi mang thai đã dẫn đến bệnh scorbut ở trẻ sơ sinh. Tăng oxalat niệu có thể xảy ra khi dùng liều cao vitamin C. Vitamin C có thể gây acid hóa nước tiểu, đôi khi dẫn đến kết tủa urat hoặc cystin, hoặc sỏi oxalat, hoặc thuốc trong đường tiết niệu. Người bệnh thiếu hụt glucose - 6 - phosphat dehydrogenase dùng liều cao vitamin C tiềm ẩn mạch hoặc uống có thể bị chứng tan máu. Huyết khối tĩnh mạch sâu cũng đã xảy ra sau khi dùng vitamin C liều cao

Vitamin B1

Vitamin B1 dễ dung nạp và không tích lũy trong cơ thể nên không gây thừa.

Vitamin B2

Sự thiếu vitamin B2 thường xảy ra khi thiếu những vitamin nhóm B khác.

Vitamin B3

Khi sử dụng niacinamide với liều cao trong các trường hợp sau: tiền sử loét dạ dày, bệnh túi mật, tiền sử có vàng da hoặc bệnh gan, bệnh gút, và bệnh đái tháo đường.

Vitamin B5

Vitamin B5 có thể kéo dài thời gian chảy máu nên phải sử dụng rất thận trọng ở người có bệnh ưa chảy máu hoặc có nguy cơ chảy máu khác.

Vitamin B6

Sau thời gian dài dùng vitamin B6 với liều 200 mg/ngày có thể đã thấy biểu hiện độc tính thần kinh (như bệnh thần kinh ngoại vi nặng và bệnh thần kinh cảm giác nặng). Dùng liều 200 mg mỗi ngày, kéo dài trên 30 ngày có thể gây hội chứng lệ thuộc vitamin B6.

Vitamin B12

Tuy vitamin B12 là vitamin tan trong nước và lượng dự thừa B12 trong cơ thể thường được thận đào thải nên ít gây độc tính cho cơ thể, nhưng nếu bổ sung Vitamin B12 với liều cao trong một thời gian dài, sẽ gây ra các tác dụng phụ do quá liều.

PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ

Dùng vitamin C và B theo nhu cầu bình thường hàng ngày thì chưa thấy xảy ra vấn đề gì cho mẹ và con. Dùng lượng lớn vitamin C hàng ngày trong khi mang thai có thể dẫn đến bệnh thiếu vitamin C ở trẻ sơ sinh.

TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN (ADR)

Vitamin C

Thường gặp, ADR > 1/100

Thận: Tăng oxalat niệu.

Ít gặp, 1/1000 < ADR < 1/100

- Máu: Thiếu máu tan máu
- Tim mạch: Bùng nổ, suy tim
- Thần kinh trung ương: Xúu, chóng mặt, nhức đầu, mệt mỏi
- Dạ dày-ruột: Buồn nôn, nôn, ợ nóng, tiêu chảy
- Thần kinh-cơ và xương: Đau cạnh sườn.

Vitamin B1

Các phản ứng có hại của Vitamin B1 rất hiếm và thường theo kiểu dị ứng. Các phản ứng quá mẫn xảy ra chủ yếu khi tiêm.

Vitamin B2

Không thấy tác dụng không mong muốn khi sử dụng vitamin B2.

Vitamin B3

Vitamin B3 gây giãn mạch ở mặt và nửa trên cơ thể gây nên cơn bốc hỏa, buồn nôn, đánh trống ngực. Các tác dụng này xuất hiện ngay sau khi dùng thuốc và sẽ tự hết sau 30-40 phút.

Vitamin B5

Vitamin B5 nói chung không gây độc. Vitamin B5 có thể gây phản ứng dị ứng nhẹ như ngứa, tiêu chảy, nhưng hiếm gặp.

Vitamin B6

Dùng liều 200 mg/ngày và dài ngày (trên 2 tháng) có thể gây bệnh thần kinh ngoại vi nặng, tiến triển từ dẳng đi không vững và tê công bàn chân đến tê công và vùng về bàn tay. Tình trạng này có thể hồi phục khi ngừng thuốc.

Hiếm gặp, ADR <1/1000

Buồn nôn và nôn.

Vitamin B12

Các phản ứng dị ứng do miễn dịch tuy hiếm nhưng đôi khi rất nặng.

Hiếm gặp, ADR <1/1000

- Toàn thân: Phản vệ, sốt
- Ngoài da: Phản ứng dạng trứng cá, mày đay, ngứa, đỏ da.

Xin thông báo cho bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi dùng thuốc.

QUẢ LIỀU VÀ CÁCH XỬ TRÍ

Các triệu chứng quá liều vitamin C gồm sỏi thận, buồn nôn, viêm dạ dày và tiêu chảy. Liệu pháp lợi tiểu bằng truyền dịch có thể tác dụng sau khi uống liều lớn.

TƯƠNG TÁC THUỐC

Vitamin C

Sắt: Dùng đồng thời theo tỉ lệ trên 200 mg vitamin C với 30 mg sắt nguyên tố làm tăng hấp thu sắt qua đường dạ dày-ruột.

Aspirin: Dùng đồng thời vitamin C với aspirin làm tăng bài tiết vitamin C và giảm bài tiết aspirin trong nước tiểu.

Fluphenazin: Dùng đồng thời vitamin C và fluphenazin dẫn đến giảm nồng độ fluphenazin huyết tương.

Vitamin B1, Vitamin B12

Có thể phối hợp với các vitamin nhóm B khác, vitamin C và các muối khoáng trong viên nén, viên bao đường.

Vitamin B2

Clopromazin, Imipramin, amitriptylin: Dùng đồng thời với vitamin B2 có thể gây "thiếu vitamin B2" ở một số trường hợp.

Rượu: Có thể gây cản trở hấp thu vitamin B2 ở ruột.

Probenecid: Sử dụng cùng riboflavin gây giảm hấp thu vitamin B2 ở dạ dày, ruột.

Vitamin B3

- Sử dụng niacinamide đồng thời với chất ức chế men khử HGM - CoA có thể làm tăng nguy cơ tiêu cơ vân (rhabdomyolysis)
- Sử dụng niacinamide đồng thời với thuốc chẹn alpha-adrenergic trị tăng huyết áp có thể dẫn đến hạ huyết áp quá mức
- Liều lượng thuốc uống hạ đường huyết hoặc insulin có thể cần phải điều chỉnh khi sử dụng đồng thời với niacinamide.
- Sử dụng niacinamide đồng thời với các thuốc có độc tính với gan có thể làm tăng thêm tác hại độc cho gan
- Không nên dùng đồng thời niacinamide với carbamazepin vì gây tăng nồng độ carbamazepin huyết tương đáng kể tăng độc tính.

Vitamin B5

- Tuy không quan trọng về lâm sàng nhưng tác dụng cơ đồng tử của các chế phẩm kháng cholinesterase dùng cho mắt (ví dụ: ecothiophat iodid, isoflurophat) có thể tăng lên khi phối hợp với vitamin B5
- Không dùng vitamin B5 trong vòng 1 giờ sau khi dùng sincylcholin vì vitamin B5 có thể kéo dài tác dụng gây giãn cơ của sincylcholin.

Vitamin B6

Levodopa: Vitamin B6 làm giảm tác dụng của levodopa trong điều trị bệnh Parkinson.

Phenytoin và phenobarbital: Liều dùng 200 mg/ngày có thể gây giảm 40-50% nồng độ phenytoin và phenobarbital trong máu một số người bệnh.

Thuốc tránh thai: Vitamin B6 có thể làm nhẹ bớt trầm cảm ở phụ nữ uống thuốc tránh thai. Thuốc tránh thai uống có thể làm tăng nhu cầu về vitamin B6.

TRÌNH BÀY

Hộp 1 chai 30, 100 viên nén bao phim.

Hộp 3 vỉ x 10 viên nén bao phim, hộp 10 vỉ x 10 viên nén bao phim,

BẢO QUẢN

Bảo quản nơi khô, nhiệt độ không quá 30°C.

HẠN DÙNG

Hộp 1 chai 30, 100 viên nén bao phim: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

Hộp 3 vỉ x 10 viên nén bao phim, hộp 10 vỉ x 10 viên nén bao phim: 48 tháng kể từ ngày sản xuất.

Sản xuất tại
CÔNG TY TNHH UNITED INTERNATIONAL PHARMA
WHO-GMP, GLP, GSP
Số 16 VSIP II, Đường số 7, Khu Công Nghiệp Việt Nam-Singapore II,
Khu liên hợp Công nghiệp - Dịch vụ - Đô thị Bình Dương,
Phường Hòa Phú, Thành Phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
ĐT: 028-39621000
*Đăng ký nhãn hiệu UNITED AMERICAN PHARMACEUTICALS, INC.

*Trong các trường hợp bệnh do thiếu vitamin hay trong một số bệnh khác